

Bản án số: 762/2020/DS-PT
Ngày 10-8-2020
*Về việc “Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Vương

Các Thẩm phán :

Bà Lê Thị Thuận.

Bà Huỳnh Thụy Xuân Vinh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yến - Cán bộ Tòa
án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị
Diễm- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ
Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 543/2019/DSPT ngày
05 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 658/2019/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2019
của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3145/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng
6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7551/2020/QĐPT-DS ngày
21/7/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân H. (Có mặt)

Địa chỉ: 55 Mai Văn Ngọc, Phường 11, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ
Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Thành
L- Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Bùi Thành Luật thuộc Đoàn Luật sư Thành
phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Thu H. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 72 đường số 16, khu phố 3, phường Hiệp Bình Chánh, quận
T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại theo ủy quyền của bị đơn: Ông Hồ Xuân V, sinh năm 1959 (Có mặt)

Địa chỉ: phường Hiệp Bình C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền lập ngày 16/10/2019).

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Xuân H.

Địa chỉ: Phường 11, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN THẤY:

**Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H xác định:*

Ngày 25/4/2012 Công ty TNHH H P (do ông H làm Tổng giám đốc) có thuê căn nhà mang số 46/4 đường Tam Bình, khu phố 8, phường Hiệp Bình Chánh, quận T để kinh doanh; từ đó ông H có quen biết với bà Phan Thị Thu H.

Ngày 29/7/2012 bà H có vay của ông H số tiền là 500.000.000 đồng, lãi suất vay 1,5%/tháng, thời hạn vay đến ngày 30/4/2013 (nếu có phát sinh trở ngại thì được vay đến ngày 30/6/2013); cùng ngày 29/7/2012 bà H có bản cam kết trả nợ và xác nhận đã nhận đủ số tiền vay. Hết thời hạn vay chính thức bà H không thực hiện việc trả nợ cho ông H, nên ngày 02/5/2013 ông H ra thông báo thu hồi lại tiền cho bà H vay là ngày 30/5/2013, nhưng bà H vẫn không thực hiện. Vì vậy ông H khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

Buộc bà H phải có trách nhiệm trả lại cho ông H số tiền vay có vốn gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 29/7/2012 đến ngày 17/10/2019 là 552.500.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 1.152.500.000 đồng. Thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Phan Thị Thu H có người đại diện theo ủy quyền là ông Hồ Xuân V trình bày: Bà H bác bỏ toàn bộ lời trình bày của ông H, bà H khẳng định không ký vào các giấy tờ mà ông H cung cấp nộp cho Tòa án; giữa bà H và ông H không có việc vay nợ. Do đó bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 658/2019/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 93, Khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H về việc buộc bà Phan Thị Thu H phải có trách nhiệm trả cho ông H số nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 29/12/2012 đến ngày 17/10/2019 với số tiền là 552.500.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 1.152.500.000 đồng.

2. Buộc ông Nguyễn Xuân H phải chịu chi phí giám định lần thứ nhất là 3.000.000 đồng được căn trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp, đã thực hiện việc chi xong.

3. Buộc ông Nguyễn Xuân H phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Phan Thị Thu H số tiền tiền chi phí giám định lần thứ hai là 4.820.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: 46.575.000 đồng ông Nguyễn Xuân H phải chịu được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp là 17.100.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2014/0006160 ngày 23/7/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T; còn 29.475.000 đồng ông H phải nộp tiếp.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 28/10/2019 ông H nộp đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

-Người kháng cáo cung cấp cho Tòa án bản sao có chứng thực văn bản đánh máy có tiêu đề: Kính gửi bà Phan Thị Thu H do Nguyễn Xuân H làm đại diện bên thuê nhà ký tên ngày 01/4/2013 và có chữ viết, chữ ký của bà Phan Thị Thu H ngày 02/4/2013 trong văn bản này, đồng thời yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm ra Quyết định trưng cầu giám định văn bản này, đối tượng yêu cầu là “Giám định chữ ký, chữ viết của Phan Thị Thu H và có lắp ghép, điền thêm nội dung hay không để làm cơ sở xét xử phúc thẩm vụ án.

Các đương sự có ý kiến:

-Ông H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm. Vì:

+ Án sơ thẩm không đánh giá đầy đủ đối với các chứng cứ gián tiếp của ông H giao nộp để chứng minh bà H có vay tiền và có khả năng hoàn trả tiền vay cho ông H, cụ thể có các giấy tờ liên quan là bản sao y chứng thực giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ hộ khẩu, giấy Chứng minh nhân dân của bà H và Thư đề ngày 01/4/2013 thể hiện rõ: “Căn cứ vào hợp đồng vay tài sản

ngày 29/7/2012 và căn cứ vào nội dung bản cam kết ngày 29/7/2012 của bà Phan Thị Thu H.

+ Đề nghị Tòa phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, sửa án sơ thẩm buộc bà H phải hoàn trả ngay cho ông H số tiền 500.000.000 đồng cùng tiền lãi suất vay 1,5%/tháng tính từ ngày 29/7/2012 đến ngày hoàn trả vốn vay.

+ Buộc bà H chịu án phí và toàn bộ chi phí giám định.

+ Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm tuyên hoàn trả lại bản chính các chứng cứ của ông H giao nộp.

+Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm yêu cầu bị đơn giao nộp các chứng cứ giống như các chứng cứ mà nguyên đơn nộp để có cơ sở đối chiếu.

- Luật sư Luật là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng bản án sơ thẩm chưa đánh giá hết toàn diện các chứng cứ, bởi lẽ trong hợp đồng vay tài sản ngày 29/7/2012, tại trang 2 có thể hiện nội dung bà H vay tiền của ông H, văn bản Thông báo cũng thể hiện nội dung vay tiền, về chứng cứ mới mà ông H nộp cho Tòa là văn bản ngày 01/4/2013 cũng căn cứ Hợp đồng thuê nH, hợp đồng vay tài sản, nội dung Bản cam kết ngày 29/7/2012; chữ ký của bà H trong các văn bản đều ký ở vị trí khác nhau, lúc thì bên trái, lúc thì bên phải; Kết luận giám định không phải là căn cứ duy nhất để giải quyết vụ án.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đánh giá toàn diện, khách quan các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H.

- Đại theo ủy quyền của bị đơn: Ông Hồ Xuân V yêu cầu xử y án sơ thẩm, bác kháng cáo của ông H đồng thời cũng xác định bà H không có vay tiền của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được pháp luật quy định.

+ Về nội dung: Đề nghị bác kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của ông H nộp trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng thời hạn theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp thuận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, quyền khởi kiện, điều kiện khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và người tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng.

[2]. Xét kháng cáo của ông H.

[2.1]. Nội dung kháng cáo:

- Yêu cầu sửa án sơ thẩm, buộc bà H phải hoàn trả ngay cho ông H số tiền 500.000.000 đồng cùng tiền lãi suất vay 1,5%/tháng tính từ ngày 29/7/2012 đến ngày hoàn trả vốn vay.

- Buộc bà H chịu án phí và toàn bộ chi phí giám định.

[2.2]. Xét nội dung kháng cáo của ông H.

- Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bà H là ông V cho rằng bản sao y chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ hộ khẩu, Chứng minh nhân dân của bà H mà ông H có được là chính ông V đưa cho ông H để chứng minh quyền sở hữu nhà, từ đó ông H mới tin tưởng ký hợp đồng thuê nhà. Ngoài ra, căn cứ vào kết luận giám định số 1888/C54B ngày 22/8/2016 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thì Hợp đồng vay tài sản ngày 29/7/2012, bản cam kết ngày 29/7/2012, thông báo ngày 02/5/2013, giấy giao tiền thuê nhà ngày 20/3/2015 thì được in thêm, không cùng thời điểm in, trang 1 thì photocopy, trang 2 thì in laser, do vậy ông H và Luật sư trình bày là không có căn cứ.

Xét lập luận của ông H, ông V, Kết luận giám định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy các tài liệu, chứng cứ do ông H cung cấp không chứng minh được bà H đã vay tiền của ông H nên không chấp nhận yêu cầu của ông H, vì vậy ông H phải chịu toàn bộ án phí cũng như toàn bộ chi phí giám định.

- Việc ông H yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm yêu cầu bị đơn giao nộp các chứng cứ giống như các chứng cứ mà nguyên đơn nộp để có cơ sở đối chiếu nhưng ông H lại không chứng minh được bà H đang lưu giữ tài liệu này và ông V cũng xác định bà H không ký và không có các tài liệu ông H đã yêu cầu nên

không có cơ sở buộc bà H phải cung cấp tài liệu chứng để làm sáng tỏ các tình tiết trong vụ án theo yêu cầu của ông H.

-Xét văn bản đánh máy có tiêu đề: Kính gửi bà Phan Thị Thu H do Nguyễn Xuân H làm đại diện bên thuê nhà ký tên ngày 01/4/2013 và có chữ viết, chữ ký của bà Phan Thị Thu H ngày 02/4/2013 trong văn bản này đồng thời yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm ra Quyết định trưng cầu giám định văn bản này, đối tượng yêu cầu là “Giám định chữ ký, chữ viết của Phan Thị Thu H và có lắp ghép, điền thêm nội dung hay không để làm cơ sở xét xử phúc thẩm vụ án. Xét việc ông H yêu cầu giám định văn bản trên cũng không có giá trị chứng minh rằng bà H có vay tiền ông H nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

- Việc Luật sư Luật cho rằng hợp đồng vay tài sản ngày 29/7/2012 nội dung trang 2 có thể hiện bà H vay tiền của ông H.Ngoài ra, theo các chứng cứ khác do ông H cung cấp, tại phần ký tên, chữ ký của bà H được ký ở vị trí khác nhau, lúc thì bên trái, lúc thì bên phải nên hợp đồng vay tài sản ngày 29/7/2012 là chứng cứ xác định nợ.

Xét thấy, trang 2 của hợp đồng vay tài sản nói trên có thể hiện nội dung vay nhưng lại không thể hiện số tiền vay, 02 trang in lại được in bởi 2 loại máy in khác nhau, trang 1 của hợp đồng (có xác định khoản tiền vay, mức lãi suất vay) lại không có chữ ký của bà H, nên hợp đồng không có giá trị chứng cứ để chứng minh ông H đã cho bà H vay tiền. Việc bà H ký tên ở những vị trí khác nhau trên các tài liệu khác nhau như Luật sư trình bày cũng không chứng minh được bà H có vay của ông H. Do đó, lời trình bày của Luật sư không có cơ sở.

[2.3].Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3].Đối với các yêu cầu được nhận lại bản chính các chứng cứ của ông H giao nộp. Xét những tài liệu bản chính mà ông H giao nộp là chứng cứ vụ án đã giám định nên phải được lưu trong hồ sơ.

[4].Những phần khác của bản án sơ thẩm các đương sự không có kháng cáo,Viện kiểm sát không có kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật thi hành.

[5].Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6].Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông H phải chịu số tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 658/2019/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H về việc buộc bà Phan Thị Thu H phải có trách nhiệm trả cho ông H số nợ gốc là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 29/12/2012 đến ngày 17/10/2019 với số tiền là 552.500.000 (năm trăm năm mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng. Tổng cộng số tiền là 1.152.500.000 (một tỷ một trăm năm mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Xuân H phải chịu chi phí giám định lần thứ nhất là 3.000.000 (ba triệu) đồng được căn trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp, đã thực hiện việc chi xong. Ông Nguyễn Xuân H phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Phan Thị Thu H số tiền tiền chi phí giám định lần thứ hai là 4.820.000 (bốn triệu tám trăm hai mươi nghìn) đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: 46.575.000 (bốn mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng ông Nguyễn Xuân H phải chịu được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp là 17.100.000 (mười bảy triệu một trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2014/0006160 ngày 23/7/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T; còn 29.475.000 (hai mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng ông H phải nộp tiếp.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông H phải chịu số tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông H đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0003968 ngày 29/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh sang thành án phí. Ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

6. Quyền yêu cầu Thi hành án: “Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu

Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- TAND quận T;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THA DS quận T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Khắc Vương